



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

**Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

85/GP/KDBH

ngày 8 tháng 2 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 85/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 2 năm 2021. Giấy phép Thành lập và Hoạt động có giá trị trong 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và Hoạt động.

Hội đồng Thành viên

Ông Bae Seung Jun

Chủ tịch

(từ ngày 8 tháng 8 năm 2023)

Ông Lee Euichul

Chủ tịch

(đến ngày 7 tháng 8 năm 2023)

Bà Kim Minji

Thành viên

Ông Kim Soongi

Thành viên

(từ ngày 23 tháng 3 năm 2023)

Ông Bae Seung Jun

Thành viên

(đến ngày 7 tháng 8 năm 2023)

Ông Lee Young Ho

Thành viên

(đến ngày 22 tháng 3 năm 2023)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Ông Bae Seung Jun

Tổng Giám đốc

(từ ngày 8 tháng 8 năm 2023)

Ông Lee Euichul

Tổng Giám đốc

(đến ngày 7 tháng 8 năm 2023)

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Friendship
31 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam **Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Bạc Seung Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà Đầu tư
Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2023.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00473-24-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.523.338.345.198	1.801.276.874.153
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	85.499.013.699	109.503.197.749
Tiền	111		7.999.013.699	6.503.197.749
Các khoản tương đương tiền	112		77.500.000.000	103.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	1.332.296.400.000	1.591.655.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		1.332.296.400.000	1.591.655.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.754.115.718	88.665.761.867
Phải thu của khách hàng	131	6	20.805.638.600	17.836.284.400
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>20.805.638.600</i>	<i>17.836.284.400</i>
Trả trước cho người bán	132		1.992.404.200	4.327.880.745
Các khoản phải thu khác	135	7(a)	68.989.784.983	66.501.596.722
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7(a)	(33.712.065)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.788.815.781	11.452.914.537
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	12.492.941.424	10.160.572.449
Thuế phải thu Nhà nước	154	15(b)	1.295.874.357	1.292.342.088

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	200		856.601.938.214	578.767.094.369
Các khoản phải thu dài hạn	210		58.582.010.190	27.058.224.357
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	58.582.010.190	27.058.224.357
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1		15.000.000.000	12.000.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2		43.582.010.190	15.058.224.357
Tài sản cố định	220		143.271.813.697	140.613.444.530
Tài sản cố định hữu hình	221	8	28.518.014.504	38.352.666.627
<i>Nguyên giá</i>	222		54.378.079.089	47.754.894.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(25.860.064.585)	(9.402.227.923)
Tài sản cố định vô hình	227	9	114.753.799.193	102.260.777.903
<i>Nguyên giá</i>	228		152.582.436.072	117.141.097.603
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(37.828.636.879)	(14.880.319.700)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	18.264.775.053	3.232.213.125
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	624.600.000.000	400.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		624.600.000.000	400.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		11.883.339.274	7.863.212.357
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	10.929.342.354	7.863.212.357
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	953.996.920	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.379.940.283.412	2.380.043.968.522

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		136.877.769.626	87.222.317.418
Nợ ngắn hạn	310		42.867.387.287	58.394.000.545
Phải trả cho người bán	312	14	19.391.035.850	29.058.000.551
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>		<i>10.857.095.150</i>	<i>18.805.415.255</i>
<i>Phải trả khác cho người bán</i>	<i>312.2</i>		<i>8.533.940.700</i>	<i>10.252.585.296</i>
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15(a)	1.866.141.296	3.472.117.865
Phải trả người lao động	315		269.783.542	497.917.408
Chi phí phải trả	316	16	20.477.141.797	24.310.476.652
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		392.238.665	717.495.923
Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.1		471.046.137	337.992.146
Nợ dài hạn	330		94.010.382.339	28.828.316.873
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	13	-	372.910.519
Dự phòng nghiệp vụ	344	17	94.010.382.339	28.455.406.354
<i>Dự phòng toán học</i>	<i>344.1</i>		<i>85.579.102.867</i>	<i>23.478.318.009</i>
<i>Dự phòng phí chưa được hưởng</i>	<i>344.2</i>		<i>7.300.124.527</i>	<i>4.650.033.138</i>
<i>Dự phòng bồi thường</i>	<i>344.3</i>		<i>1.131.154.945</i>	<i>327.055.207</i>
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		2.243.062.513.786	2.292.821.651.104
Vốn chủ sở hữu	410	18	2.243.062.513.786	2.292.821.651.104
Vốn góp	411		2.320.000.000.000	2.320.000.000.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		355.003.758	355.003.758
Lỗi lũy kế	421		(77.292.489.972)	(27.533.352.654)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.379.940.283.412	2.380.043.968.522

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

042-
NHÁ
TY T
MG
HỒ CỬ

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2023	31/12/2022
		VND	VND
Cam kết thuê hoạt động (VND)	29	64.461.421.503	65.753.510.228

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Lê Thị Minh Thúy
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bae Seung Jun
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****Mẫu B 02 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

	Mã số	2023 VND	2022 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	214.287.030.311	104.049.547.162
Doanh thu hoạt động tài chính	12	176.975.390.172	122.400.496.010
Thu nhập khác	13	9.700	195.884
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	97.311.229.990	41.792.334.571
Chi phí hoạt động tài chính	22	22.719.555	410.583.576
Chi phí bán hàng	23	192.006.689.220	88.278.300.542
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	153.006.094.613	128.704.903.913
Chi phí khác	25	1.741.562	308.315.803
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24 – 25)	50	(51.086.044.757)	(33.044.199.349)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	861.314.178
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(1.326.907.439)	372.910.519
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60	(49.759.137.318)	(34.278.424.046)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 – 01.3)	01		214.287.030.311	104.049.547.162
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1	19	216.937.121.700	108.699.580.300
- Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc	01.3	17	2.650.091.389	4.650.033.138
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01)	03		214.287.030.311	104.049.547.162
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03)	10		214.287.030.311	104.049.547.162
Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	11		1.529.152.157	2.070.000
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13	17	62.904.884.596	23.805.373.216
Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 + 13)	15	20	64.434.036.753	23.807.443.216
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2)	16		32.877.193.237	17.984.891.355
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	16.1		32.828.406.255	17.883.274.355
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	16.2	21	48.786.982	101.617.000
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)	17		97.311.229.990	41.792.334.571
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 – 17)	18		116.975.800.321	62.257.212.591

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
(TIẾP THEO)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	176.975.390.172	122.400.496.010
Chi phí hoạt động tài chính	23		22.719.555	410.583.576
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (24 = 22 – 23)	24		176.952.670.617	121.989.912.434
Chi phí bán hàng	25	23	192.006.689.220	88.278.300.542
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	153.006.094.613	128.704.903.913
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 – 25 – 26)	30		(51.084.312.895)	(32.736.079.430)
Thu nhập khác	31		9.700	195.884
Chi phí khác	32		1.741.562	308.315.803
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 – 32)	40		(1.731.862)	(308.119.919)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(51.086.044.757)	(33.044.199.349)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	861.314.178
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	(1.326.907.439)	372.910.519
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60		(49.759.137.318)	(34.278.424.046)

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Lê Thị Minh Thúy
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bác Seung Jun
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(51.086.044.757)	(33.044.199.349)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	39.406.153.841	23.254.108.866
Các khoản dự phòng	03	65.588.688.050	28.455.406.354
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(176.975.390.172)	(122.400.496.010)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(123.066.593.038)	(103.735.180.139)
Biến động các khoản phải thu	09	(9.384.528.987)	(24.758.164.777)
Biến động các khoản phải trả	11	(19.523.757.558)	25.571.287.758
Biến động chi phí trả trước	12	(5.398.498.972)	(15.515.788.256)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(157.373.378.555)	(118.437.845.414)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(53.099.940.636)	(77.924.552.433)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, mua công cụ nợ	23	(1.856.896.400.000)	(1.787.155.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tiền bán công cụ nợ	24	1.891.655.000.000	1.800.000.000.000
Tiền thu lãi	27	151.710.535.141	114.504.040.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	133.369.194.505	49.424.488.100

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		2023 VND	2022 VND
Lưu chuyển tiền thuần phát sinh trong năm (50 = 20 + 30)	50	(24.004.184.050)	(69.013.357.314)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	109.503.197.749	178.516.555.063
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	85.499.013.699	109.503.197.749

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Lê Thị Minh Thúy
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bae Seung Jun
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam (“Công ty”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 85/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp vào ngày 8 tháng 2 năm 2021. Giấy phép Thành lập và Hoạt động có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, nhận và nhượng tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được mặc định là 12 tháng.

(d) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 20, Tòa nhà Friendship, số 31 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bốn (4) văn phòng kinh doanh (31/12/2022: ba (3) văn phòng kinh doanh).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 110 nhân viên (31/12/2022: 65 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt ở một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia hoặc các quyền tài phán khác ngoài Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không dành cho những người không có hiểu biết về các nguyên tắc và thông lệ kế toán của Việt Nam đối với các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm.

2042
NHÁ
TV
PMI
Ổ HỒ C

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ sách kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch và hình thức chứng từ kế toán là sổ cái.

(f) Thay đổi chính sách kế toán do thay đổi các quy định pháp lý có liên quan

(i) Áp dụng Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2023/NĐ-CP (“Nghị định 46”) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 đã được Quốc hội thông qua. Nghị định 46 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2023 trừ một số điều có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023. Nghị định 46 thay thế Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 (“Nghị định 73”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm ngoại trừ một số điều của Nghị định 73 có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Nghị định 46 từ ngày 1 tháng 7 năm 2023. Những thay đổi trong chính sách kế toán của Công ty do việc áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Nghị định 46 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(e) của báo cáo tài chính.

(ii) Áp dụng Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023

Vào ngày 2 tháng 11 năm 2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 67/2023/TT-BTC (“Thông tư 67”) về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 (“Nghị định 46”) của Chính phủ Việt Nam quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm. Thông tư 67 có hiệu lực từ ngày 2 tháng 11 năm 2023, trừ một số điều có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2023. Thông tư 67 thay thế Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 (“Thông tư 50”) của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành Nghị định 73 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50 trừ một số điều của Thông tư 50 có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 67 từ ngày 2 tháng 11 năm 2023. Những thay đổi trong chính sách kế toán của Công ty do việc áp dụng phi hồi tố các quy định có liên quan của Thông tư 67 và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(l) và Thuyết minh 3(p) của báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Ngoại trừ những thay đổi chính sách kế toán như được trình bày trong Thuyết minh 2(f), những chính sách kế toán chủ yếu đã được áp dụng nhất quán cho tất cả các kỳ báo cáo được trình bày trong báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm, các khoản phải thu khách hàng khác và các khoản phải thu khác được phân loại theo bản chất của chúng như sau:

- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải thu thương mại phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm;
- Phải thu khách hàng khác là các khoản phải thu phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ không phải là dịch vụ bảo hiểm; và
- Phải thu khác là các khoản phải thu không phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ.

Phải thu về hợp đồng bảo hiểm, phải thu khách hàng khác và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào tình trạng quá hạn của các khoản phải thu hoặc tổn thất dự kiến đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán có thể xảy ra khi tổ chức kinh tế bị phá sản, giải thể; hoặc người mắc nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, đang bị giam, đang bị xét xử, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào tình trạng quá hạn như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ hai 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

Dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào tổn thất dự kiến của các khoản nợ chưa đến hạn cũng được Ban Giám đốc Công ty xác định sau khi xem xét khả năng thu hồi các khoản nợ này.

(e) Ký quỹ bảo hiểm

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2023

Theo Nghị định 73, Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2023

Theo Nghị định 46, Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc này chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ có thể được rút toàn bộ khi Công ty chấm dứt hoạt động.

Việc áp dụng các quy định của Nghị định 46 liên quan đến ký quỹ bảo hiểm đã làm tăng thêm số tiền ký quỹ bảo hiểm là 3.000 triệu VND tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 8 năm.

(ii) Phí bản quyền

Phí bản quyền được ghi nhận theo giá gốc và khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 11 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc dưới hình thức chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính

Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm, phải trả khác cho người bán và các khoản phải trả khác được phân loại theo bản chất của chúng như sau:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả thương mại phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm;
- Phải trả khác cho người bán là khoản phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ khác dịch vụ bảo hiểm; và
- Khoản phải trả khác là khoản phát sinh không phải từ việc mua hàng hóa và dịch vụ.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(I) Dự phòng nghiệp vụ

Trước ngày 2 tháng 11 năm 2023

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo quy định và hướng dẫn Thông tư 50, Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 2 tháng 1 năm 2019 (“Thông tư 01”) do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50 và Thông tư số 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50.

Từ ngày 2 tháng 11 năm 2023

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo quy định và hướng dẫn của Thông tư 67.

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

(i) Dự phòng toán học

Dự phòng toán học được trích lập cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm, được tính toán dựa trên các giả định và phương pháp dự phòng được Bộ Tài chính phê duyệt như sau:

Tỷ lệ tử vong

Tỷ lệ tử vong áp dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

Lãi suất kỹ thuật:

Lãi suất kỹ thuật được thiết lập ở mức 2,12%/năm tại thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2022.

Các phương pháp tính dự phòng

- Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp
 - Các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh bởi hệ số Zillmer 3% số tiền bảo hiểm. Phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh dùng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thực tế thu được.
- Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tử kỳ
 - Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 đến 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần.
 - Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh FPT 12 tháng.
- Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: số lớn hơn giữa phương pháp phí bảo hiểm thuần và phương pháp dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng 1/8.



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng chỉ áp dụng cho các hợp đồng có thời hạn không quá một năm và được tính dựa trên cơ sở phí bảo hiểm gộp như sau:

Dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng = Tổng phí bảo hiểm x Tỷ lệ dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo.

- Dự phòng bồi thường chưa giải quyết là khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường đã thông báo cho Công ty nhưng chưa được giải quyết vào cuối kỳ kế toán năm. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết được tính theo phương pháp từng hồ sơ.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (“IBNR”) là khoản dự phòng được lập cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường vào cuối kỳ kế toán năm.
 - Sản phẩm nhân thọ từ kỳ: được trích ở mức 3% tổng số phí bảo hiểm của sản phẩm ghi nhận trong 12 tháng gần nhất đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống; và
 - Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: được trích ở mức 3% tổng số phí bảo hiểm của sản phẩm ghi nhận trong 12 tháng gần nhất.

(iv) Dự phòng bảo đảm cân đối

Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập hàng năm bằng 1% lợi nhuận trước thuế cho đến khi số dư của khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính.

Việc áp dụng các yêu cầu của Thông tư 67 áp dụng đối với dự phòng nghiệp vụ không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Nghị định 73 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2023) và Nghị định 46 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2023), Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo yêu cầu và hướng dẫn của Thông tư 50 (trước ngày 2 tháng 11 năm 2023) và Thông tư 67 (từ ngày 2 tháng 11 năm 2023).

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm), cụ thể như sau:

- khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trong trường hợp rủi ro bảo hiểm được hủy bỏ và cần thiết phải hoàn trả phí bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh.

Việc áp dụng các quy định của Thông tư 67 liên quan đến việc ghi nhận doanh thu phí bảo hiểm không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm

Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm bao gồm khoản bồi thường đáo hạn, quyền lợi bằng tiền chi trả định kỳ, giá trị hoàn lại, chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và tử vong. Quyền lợi bảo hiểm đáo hạn được ghi nhận như là chi phí tại ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi bằng tiền chi trả định kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản thanh toán định kỳ đến hạn thanh toán. Giá trị hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thanh toán và chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và tử vong được ghi nhận khi được phê duyệt.

(r) Chi phí hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm của phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

(s) Thu nhập từ hoạt động tài chính

Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(t) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 199/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm không được trình bày trong báo cáo tài chính này nghĩa là số dư bằng không.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	7.999.013.699	6.503.197.749
Các khoản tương đương tiền	77.500.000.000	103.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	85.499.013.699	109.503.197.749

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,50% đến 4,55% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: từ 2,10% đến 6,00%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	902.296.400.000	1.326.655.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	430.000.000.000	265.000.000.000
	1.332.296.400.000	1.591.655.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày báo cáo, và hưởng lãi suất năm từ 4,90% đến 9,70% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: từ 4,50% đến 13,00%).

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		
▪ <i>Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng</i>	20.805.638.600	17.836.284.400
Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng		
▪ <i>Các bên thứ ba</i>	7.730.218.000	415.112.100
▪ <i>Các bên liên quan – thu hộ cho Công ty</i>	13.075.420.600	17.421.172.300
	20.805.638.600	17.836.284.400

7. Các khoản phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng	48.587.896.224	-	62.618.092.329	-
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	17.709.917.809	-	2.616.027.397	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn	561.754.130	(33.712.065)	519.195.000	-
Các khoản phải thu khác	2.130.216.820	-	748.281.996	-
	68.989.784.983	(33.712.065)	66.501.596.722	-

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Ký quỹ bảo hiểm (i)	15.000.000.000	12.000.000.000
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn dài hạn tại ngân hàng	9.259.749.042	2.219.177
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi dài hạn	24.607.770.676	9.672.328.767
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	6.684.583.413	4.488.676.413
Các khoản phải thu khác	3.029.907.059	895.000.000
	<hr/>	<hr/>
	58.582.010.190	27.058.224.357

- (i) Công ty đã gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, một bên liên quan, để làm khoản ký quỹ bảo hiểm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất hàng năm từ 5,6% đến 8,4% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 4,6%).



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.158.924.230	595.970.320	47.754.894.550
Tăng trong năm	6.623.184.539	-	6.623.184.539
Số dư cuối năm	53.782.108.769	595.970.320	54.378.079.089
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	9.272.438.832	129.789.091	9.402.227.923
Khấu hao trong năm	16.338.642.598	119.194.064	16.457.836.662
Số dư cuối năm	25.611.081.430	248.983.155	25.860.064.585
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	37.886.485.398	466.181.229	38.352.666.627
Số dư cuối năm	28.171.027.339	346.987.165	28.518.014.504

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Phí bản quyền VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	96.221.581.685	20.919.515.918	117.141.097.603
Tăng trong năm	27.708.763.469	-	27.708.763.469
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.169.575.000	3.563.000.000	7.732.575.000
Số dư cuối năm	128.099.920.154	24.482.515.918	152.582.436.072
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	11.388.222.050	3.492.097.650	14.880.319.700
Khấu hao trong năm	20.548.652.201	2.399.664.978	22.948.317.179
Số dư cuối năm	31.936.874.251	5.891.762.628	37.828.636.879
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	84.833.359.635	17.427.418.268	102.260.777.903
Số dư cuối năm	96.163.045.903	18.590.753.290	114.753.799.193

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2023 VND
Số dư đầu năm	3.232.213.125
Tăng trong năm	22.765.136.928
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(7.732.575.000)
Số dư cuối năm	<u>18.264.775.053</u>

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Hệ thống công nghệ thông tin	18.264.775.053	3.232.213.125

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023 Giá gốc VND	31/12/2022 Giá gốc VND
▪ Các khoản đầu tư dài hạn khác		
• Tiền gửi có kỳ hạn (i)	302.300.000.000	-
• Chứng chỉ tiền gửi (ii)	322.300.000.000	400.000.000.000
	<u>624.600.000.000</u>	<u>400.000.000.000</u>

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm tại ngày báo cáo và hưởng lãi suất năm từ 5,7 đến 9,2% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- (ii) Các chứng chỉ tiền gửi này có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và hưởng lãi suất năm từ 8,10% đến 8,80% tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (31/12/2022: 6,00% đến 8,25%).



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phí bảo trì và hỗ trợ	11.096.762.805	7.044.039.448
Học phí	968.652.055	1.525.552.511
Chi phí thuê	149.000.000	1.039.893.500
Chi phí khác	278.526.564	551.086.990
	<hr/>	<hr/>
	12.492.941.424	10.160.572.449
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Thiết bị công nghệ thông tin VND	Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.217.269.464	2.692.675.618	899.758.636	53.508.639	7.863.212.357
Tăng trong năm	3.328.900.340	2.035.988.600	3.483.426.979	423.863.353	9.272.179.272
Phân bổ trong năm	(2.663.295.239)	(1.917.972.745)	(1.542.935.329)	(81.845.962)	(6.206.049.275)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.882.874.565	2.810.691.473	2.840.250.286	395.526.030	10.929.342.354
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

204
NH
TY
PM
Ổ HỒ

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả), thuần

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>		
▪ Chi phí phải trả	900.040.212	-
▪ Dự phòng trợ cấp thôi việc	53.956.708	-
	953.996.920	-
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>		
▪ Chênh lệch tính thuế tạm thời	-	(372.910.519)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả), thuần	953.996.920	(372.910.519)

14. Phải trả cho người bán

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	10.857.095.150	18.805.415.255
▪ <i>Tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm cho chủ hợp đồng</i>	75.306.470	63.662.625
▪ <i>Thu nhập phải trả cho các đại lý</i>	1.287.692.415	4.399.866.725
▪ <i>Thu nhập phải trả cho các kênh phân phối khác (i)</i>	9.494.096.265	14.341.885.905
Phải trả khác cho người bán	8.533.940.700	10.252.585.296
▪ <i>Phải trả cho nhà cung cấp</i>	8.533.940.700	10.252.585.296
	19.391.035.850	29.058.000.551

(i) Chi tiết thu nhập phải trả cho các kênh phân phối khác:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh 26(b))	314.713.350	2.761.901.810
Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh 26(b))	8.684.519.190	11.558.761.995
Các bên thứ ba	494.863.725	21.222.100
	9.494.096.265	14.341.885.905

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
 ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế (phải nộp)/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	107.378.524	107.790.752	(182.123.282)	-	33.045.994
Thuế thu nhập cá nhân	3.271.086.229	11.345.246.284	(12.922.846.361)	-	1.693.486.152
Các loại thuế khác	93.653.112	1.742.917.544	(1.693.429.237)	(3.532.269)	139.609.150
	3.472.117.865	13.195.954.580	(14.798.398.880)	(3.532.269)	1.866.141.296

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2023 VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.292.342.088	-	1.292.342.088
Các loại thuế khác	-	3.532.269	3.532.269
	1.292.342.088	3.532.269	1.295.874.357



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí phải trả

	31/12/2023	31/12/2022
	VND	VND
Phí tư vấn	6.646.819.681	12.874.453.222
Tiền thưởng cho đại lý và các kênh phân phối khác	4.400.201.056	4.877.872.670
Tiền thưởng cho nhân viên	5.414.144.832	3.744.850.000
Các chi phí khác	4.015.976.228	2.813.300.760
	<hr/>	<hr/>
	20.477.141.797	24.310.476.652
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Dự phòng nghiệp vụ

	Dự phòng toán học VND (ii)	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng bồi thường VND (i)	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	-	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	23.478.318.009	4.650.033.138	327.055.207	28.455.406.354
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	23.478.318.009	4.650.033.138	327.055.207	28.455.406.354
Trích lập dự phòng trong năm	62.100.784.858	2.650.091.389	804.099.738	65.554.975.985
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	85.579.102.867	7.300.124.527	1.131.154.945	94.010.382.339

(i) Chi tiết dự phòng bồi thường như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Dự phòng bồi thường IBNR	511.672.971	213.480.207
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết	619.481.974	113.575.000
	1.131.154.945	327.055.207

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Biến động dự phòng toán học trong năm như sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng toán học cho sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

1/1/2023 VND	Biến động trong năm VND	31/12/2023 VND
23.478.318.009	62.100.784.858	85.579.102.867

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Dự phòng toán học cho sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

1/1/2022 VND	Biến động trong năm VND	31/12/2022 VND
-	23.478.318.009	23.478.318.009

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.320.000.000.000	355.003.758	6.745.071.392	2.327.100.075.150
Lỗ trong năm	-	-	(34.278.424.046)	(34.278.424.046)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.320.000.000.000	355.003.758	(27.533.352.654)	2.292.821.651.104
Lỗ trong năm	-	-	(49.759.137.318)	(49.759.137.318)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.320.000.000.000	355.003.758	(77.292.489.972)	2.243.062.513.786



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2023 và 31/12/2022	
	VND	%
Shinhan Life Insurance Corporation	2.320.000.000.000	100

Công ty mẹ, Shinhan Life Insurance Corporation, và công ty mẹ cấp cao nhất, Tập đoàn Tài chính Shinhan, được thành lập tại Hàn Quốc.

19. Phí bảo hiểm gốc

	2023 VND	2022 VND
Bảo hiểm tử kỳ	191.518.680.700	96.478.995.300
Bảo hiểm hỗn hợp	20.160.838.000	11.306.963.000
Bảo hiểm sức khỏe	5.257.603.000	913.622.000
	<u>216.937.121.700</u>	<u>108.699.580.300</u>

20. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm

	2023 VND	2022 VND
Chi phí bồi thường và trả tiền bảo hiểm	1.529.152.157	2.070.000
Trong đó		
▪ Bảo hiểm sức khỏe	442.899.000	-
▪ Bảo hiểm tử kỳ	922.643.887	-
▪ Bảo hiểm hỗn hợp	163.609.270	2.070.000
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (Thuyết minh 17)	62.904.884.596	23.805.373.216
▪ Dự phòng toán học	62.100.784.858	23.478.318.009
▪ Dự phòng bồi thường	804.099.738	327.055.207
	64.434.036.753	23.807.443.216

21. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	2023 VND	2022 VND
Chi phí giám định bồi thường	48.079.000	101.617.000
Các chi phí khác	707.982	-
	48.786.982	101.617.000

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi từ:		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	36.383.633	10.832.512
• Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	99.769.567.458	110.101.307.335
• Chứng chỉ tiền gửi	77.161.250.131	12.288.356.163
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.188.950	-
	176.975.390.172	122.400.496.010

23. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Tiền thưởng cho đại lý và các kênh phân phối khác	136.879.560.428	62.115.879.920
Tiền lương và chi phí liên quan	25.564.709.990	224.357.924
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.416.857.662	10.917.915.544
Công cụ, thiết bị và văn phòng phẩm	535.627.673	545.685.916
Chi phí khác cho đại lý và các kênh phân phối khác	625.629.369	488.499.783
Các chi phí bán hàng khác	11.984.304.098	13.985.961.455
	192.006.689.220	88.278.300.542

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Tiền lương và chi phí liên quan	53.646.895.023	54.186.768.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.124.836.292	41.293.660.933
Chi phí khấu hao	39.406.153.841	23.254.108.866
Công cụ, thiết bị và văn phòng phẩm	11.570.681.918	3.822.087.608
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	33.712.065	-
Các chi phí khác	4.217.815.474	6.145.277.596
	153.006.094.613	128.704.903.913

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Dự phòng thiếu năm trước	-	861.314.178
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(1.326.907.439)	372.910.519
	<u>(1.326.907.439)</u>	<u>1.234.224.697</u>

(b) Đối chiếu thuế suất hiện hành

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(51.086.044.757)	(33.044.199.349)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(10.217.208.951)	(6.608.839.870)
Chi phí không được khấu trừ thuế	175.157.499	36.810.780
Tài sản thu nhập thuế hoãn lại không được ghi nhận	8.715.144.013	6.944.939.609
Dự phòng thiếu trong năm trước	-	861.314.178
	<u>(1.326.907.439)</u>	<u>1.234.224.697</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp cần phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Tài sản thu nhập thuế hoãn lại không được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế (i)	62.323.477.369	12.464.695.474	28.368.275.776	5.673.655.155
Chênh lệch tạm thời được trừ	15.976.940.741	3.195.388.148	6.356.422.269	1.271.284.454
	78.300.418.110	15.660.083.622	34.724.698.045	6.944.939.609

(i) Các khoản lỗi tính thuế sẽ hết hạn vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	28.368.275.776
2028	Chưa quyết toán	33.955.201.593
		62.323.477.369

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực theo luật thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ		
Shinhan Life Insurance Corporation		
Mua dịch vụ	7.217.625.769	12.820.453.222
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Shinhan DS Việt Nam		
Mua dịch vụ	6.586.842.940	51.032.043.624
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam		
Thu nhập lãi tiền gửi	19.190.980.115	9.336.500.455
Hoa hồng, tiền thưởng và các khoản phụ cấp khác cho hoạt động đại lý bảo hiểm	8.143.301.121	8.412.832.681
Phí ngân hàng	33.624.981	10.989.871
Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam		
Phí bảo hiểm phát sinh từ hoạt động đại lý bảo hiểm	182.169.454.700	94.918.835.300
Hoa hồng, tiền thưởng và các khoản phụ cấp khác cho hoạt động đại lý bảo hiểm	138.569.522.671	62.493.242.945
Phí bồi thường cho hoạt động đại lý bảo hiểm	459.289.087	-
Thu nhập lãi chứng chỉ tiền gửi	58.282.465.747	7.651.095.889
Các nhân sự quản lý chủ chốt		
Tiền lương và thưởng	11.465.148.162	6.642.013.712
Các khoản phúc lợi khác	3.921.118.184	2.540.691.760

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Số dư với các bên liên quan**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Các công ty liên quan khác		
Công ty Shinhan DS Việt Nam		
Trả trước cho nhà cung cấp	428.065.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam		
Tiền gửi ngân hàng	7.878.333.261	6.374.936.183
Các khoản tương đương tiền	-	103.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	249.196.400.000	6.655.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	4.500.000.000	-
Tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	15.000.000.000	12.000.000.000
Khoản phải trả	314.713.350	2.761.901.810
Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam		
Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	200.000.000.000	265.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi dài hạn	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản phải thu	13.075.420.600	17.429.773.400
Khoản phải trả	8.684.519.190	11.558.761.995

27. Khung quản lý rủi ro**a) Cơ chế quản trị rủi ro**

Công ty thực hiện công tác quản lý rủi ro dựa trên cơ sở thiết lập khung quản trị rủi ro toàn diện và triển khai các cấu phần phù hợp với quy định của pháp luật, chiến lược kinh doanh theo từng giai đoạn. Các nguyên tắc quản lý rủi ro và khẩu vị rủi ro ban hành bởi Hội đồng Thành viên được xây dựng trên cơ sở đánh giá rủi ro trọng yếu và mức độ chấp nhận rủi ro. Tại cấp độ Ban Điều hành, công tác quản lý rủi ro được triển khai thành các quy trình, quy định, hạn mức nhằm đảm bảo mọi hoạt động tại các đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ hoạt động theo các nguyên tắc và khẩu vị rủi ro đã được ban hành.

Thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ theo mô hình ba tuyến bảo vệ và quy trình quản lý rủi ro đầy đủ các bước (từ nhận diện, đo lường, giám sát đến quản lý rủi ro), hoạt động quản lý rủi ro đã được triển khai trên toàn Công ty nhằm kiểm soát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được mục tiêu do Hội đồng thành viên đề ra. Việc thực hiện, theo dõi, đánh giá công tác quản lý rủi ro và cập nhật các quy định nội bộ được thực hiện định kỳ hoặc khi có sự thay đổi từ môi trường kinh doanh, yêu cầu pháp lý, hoặc chiến lược kinh doanh của Công ty.

b) Rủi ro bảo hiểm và chính sách quản lý

i) Chính sách chấp nhận rủi ro bảo hiểm

Để đảm bảo tính phù hợp của các rủi ro bảo hiểm được chấp nhận bởi Công ty:

- Thường xuyên cập nhật với công ty tái bảo hiểm nhằm đảm bảo sử dụng các hướng dẫn, công cụ thẩm định mới, đồng thời chủ động làm việc với công ty tái bảo hiểm trong quá trình thẩm định các trường hợp đặc biệt.

ii) Phương pháp đánh giá và quản lý rủi ro phát sinh

Thực hiện nghiên cứu về kinh nghiệm thực tế liên quan tới các yếu tố rủi ro bảo hiểm. Những nghiên cứu nội bộ này cùng với dữ liệu thị trường được dùng để xác định các xu hướng mới có thể được sử dụng để cung cấp thông tin về thiết kế sản phẩm, định giá, thẩm định, quản lý yêu cầu bồi thường và nhu cầu tái bảo hiểm.

Giám sát các giao dịch một cách liên tục thông qua việc sử dụng các chỉ số khác nhau.

iii) Các phương pháp sử dụng để hạn chế hoặc chuyển giao rủi ro

Công ty làm việc với các công ty tái bảo hiểm về hoạt động tái bảo hiểm.

iv) Cam kết huy động hoặc góp vốn thực hiện nghĩa vụ thanh toán

Nhằm đảm bảo cho việc chi trả các trách nhiệm bảo hiểm đã cam kết, Công ty:

- Duy trì tài sản tiền mặt trên mức yêu cầu tối thiểu theo quy định của pháp luật; và
- Duy trì biên khả năng thanh toán tốt, cao hơn ít nhất 10% so với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

v) Những thay đổi về phương pháp và giả định được sử dụng

Quy trình xây dựng các giả định

Quy trình xây dựng các giả định là nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả trong tương lai. Điều này đạt được bằng cách áp dụng các giả định có đo lường tốt nhất đến các biến động hợp lý trong thực tiễn hoạt động. Việc xem xét thường xuyên các kinh nghiệm liên quan được thực hiện để đảm bảo tính hợp lý của các giả định được áp dụng và các ước tính khả thi nhất đối với kết quả trong tương lai. Các giả định được xem xét bao gồm xác suất xảy ra tổn thất và lợi nhuận đầu tư.

Phương pháp tính dự phòng nghiệp vụ cho từng loại sản phẩm được mô tả tại Thuyết minh 3(I).



Các giả định

Tỷ lệ tử vong: bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong dự phòng dựa trên cơ sở tính toán đã được phê duyệt và tuân thủ theo yêu cầu quy định của pháp luật. Công ty luôn đảm bảo tỷ lệ tử vong áp dụng trong dự phòng không thấp hơn tỷ lệ được sử dụng để tính phí sản phẩm bảo hiểm.

Tỷ lệ bệnh tật: tỷ lệ xảy ra bệnh tật sử dụng trong dự phòng dựa trên cơ sở tính toán đã được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các bệnh hiểm nghèo và thương tật, và thường được cung cấp bởi các công ty tái bảo hiểm có kinh nghiệm từ các thị trường tương tự.

Lãi suất dự phòng kỹ thuật (VIR): Công ty sử dụng lãi suất dự phòng kỹ thuật cho các sản phẩm đã được Bộ Tài chính phê duyệt. Các mức lãi suất này có thể được điều chỉnh trong trường hợp lãi suất trái phiếu Chính phủ có biến động, nhưng chỉ sau khi được Bộ Tài chính phê duyệt.

28. Các công cụ tài chính

Các giao dịch bằng công cụ tài chính có thể dẫn đến việc Công ty phải gánh chịu rủi ro tài chính. Chúng bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Mỗi rủi ro tài chính này được mô tả dưới đây, cùng với bản tóm tắt các cách thức Công ty quản lý những rủi ro này.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ. Mục đích của quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro thị trường trong giới hạn chấp nhận được nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

(i) Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính biến động do các thay đổi trong tỷ giá ngoại tệ so với VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Hầu hết các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng VND và rủi ro tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh đối với đồng đô la Mỹ. Phần lớn các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận bằng cùng loại tiền tệ với nợ tài chính từ các hợp đồng bảo hiểm và đầu tư, chủ yếu là VND. Do đó, Công ty không có rủi ro trọng yếu về tỷ giá hối đoái.

20
NF
GT
PH
Ô H

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(ii) *Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường.

Các chính sách, thủ tục sau đây được áp dụng để giảm thiểu rủi ro lãi suất:

- Công ty đã xây dựng và thực hiện các nguyên tắc đầu tư và cố gắng đạt được các tiêu chí đầu tư, và đảm bảo những biến động của tài sản trên thị trường được theo dõi liên tục và kịp thời.
- Công ty cũng thiết lập các giới hạn đầu tư chiến lược rõ ràng, và sẽ được xem xét thường xuyên bởi Ủy ban Đầu tư.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty là:

	31/12/2023 Giá trị ghi sổ VND	31/12/2022 Giá trị ghi sổ VND
Công cụ tài chính với lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính</i>		
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>		
▪ Tiền gửi ngân hàng	7.999.013.699	6.503.197.749
▪ Các khoản tương đương tiền	77.500.000.000	103.000.000.000
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	902.296.400.000	1.326.655.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	430.000.000.000	265.000.000.000
<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	302.300.000.000	-
▪ Chứng chỉ tiền gửi	322.300.000.000	400.000.000.000
<hr/>		
Công cụ tài chính với lãi suất thả nổi		
<i>Tài sản tài chính</i>		
Ký quỹ bảo hiểm	15.000.000.000	12.000.000.000
<hr/>		

(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán vốn*

Công ty không nắm giữ chứng khoán vốn tại ngày báo cáo. Do đó, Công ty không chịu rủi ro về giá chứng khoán vốn.

3-00,
 ANI
 INI
 IG
 CHÍ

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính có thể phát sinh đối với Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác tham gia vào công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Công ty áp dụng chính sách giao dịch với khách hàng/đối tác có lịch sử tín dụng phù hợp để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không quá hạn và không bị giảm giá VND	Quá hạn nhưng chưa được trích lập dự phòng VND	Quá hạn và đã được trích lập dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.499.013.699	-	-	85.499.013.699
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.332.296.400.000	-	-	1.332.296.400.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	20.805.638.600	-	-	20.805.638.600
Các khoản phải thu khác	68.842.360.853	80.000.000	67.424.130	68.989.784.983
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	624.600.000.000	-	-	624.600.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	43.582.010.190	-	-	43.582.010.190
	2.190.625.423.342	80.000.000	67.424.130	2.190.772.847.472

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
 ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Không quá hạn và không bị giảm giá VND	Quá hạn nhưng chưa được trích lập dự phòng VND	Quá hạn và đã được trích lập dự phòng VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.503.197.749	-	-	109.503.197.749
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.591.655.000.000	-	-	1.591.655.000.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	17.836.284.400	-	-	17.836.284.400
Các khoản phải thu khác	66.501.596.722	-	-	66.501.596.722
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	15.058.224.357	-	-	15.058.224.357
	2.212.554.303.228	-	-	2.212.554.303.228



Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng phải thu khó đòi:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND
Tiền ký quỹ ngắn hạn	561.754.130	33.712.065	528.042.065	519.195.000
				-
				519.195.000

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	33.712.065	-
Số dư cuối năm	33.712.065	-

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo, ở mức độ cao nhất có thể, Công ty luôn có đủ thanh khoản để đáp ứng các khoản phải trả khi đến hạn, cả trong điều kiện tài chính bình thường và căng thẳng, mà không phát sinh những tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Thời gian đáo hạn theo hợp đồng

Các chính sách, thủ tục sau đây được áp dụng để giảm thiểu rủi ro thanh khoản:

- Công ty đã thiết lập cơ chế theo dõi thường xuyên các chỉ số thanh khoản để đo lường, giám sát khả năng thanh khoản của Công ty, từ đó kịp thời nhận diện, phát hiện những bất thường và triển khai các kế hoạch/giải pháp phù hợp.
- Nguyên tắc phân bổ tài sản và giới hạn loại tài sản được ban hành nhằm đảm bảo công ty có đủ nguồn tài chính sẵn có để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán. Công ty đầu tư chủ yếu vào các tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi.
- Lập kế hoạch dự phòng tài chính khi cần thiết để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính trong trường hợp khẩn cấp cũng như khi có sự kiện xảy ra.

Bảng dưới đây phân loại các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Công ty thành các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên thời gian còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Số tiền trình bày trong bảng là dòng tiền chưa chiết khấu theo hợp đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả cho người bán	19.391.035.850	19.391.035.850	19.391.035.850
Chi phí phải trả	20.477.141.797	20.477.141.797	20.477.141.797
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	392.238.665	392.238.665	392.238.665
	40.260.416.312	40.260.416.312	40.260.416.312

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả cho người bán	29.058.000.551	29.058.000.551	29.058.000.551
Chi phí phải trả	24.310.476.652	24.310.476.652	24.310.476.652
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	717.495.923	717.495.923	717.495.923
	54.085.973.126	54.085.973.126	54.085.973.126

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Quản lý vốn

Mục tiêu chính của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh và tuân thủ các yêu cầu về vốn pháp định.

Các yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ hoạt động của Công ty yêu cầu Công ty phải nắm giữ tài sản đủ để trang trải các khoản nợ và đáp ứng các yêu cầu về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về biên khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định tại các quy định liên quan của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây tóm tắt biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Công ty. Cục giám sát bảo hiểm (“ISA”) quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và giám sát chặt chẽ nhằm đảm bảo công ty bảo hiểm thực hiện quyền lợi đối với chủ hợp đồng bảo hiểm một cách thỏa đáng. Đồng thời, ISA cũng quan tâm đến việc đảm bảo rằng Công ty duy trì khả năng thanh toán phù hợp để đáp ứng các nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa thiên tai.

	Biên khả năng thanh toán của Công ty Triệu VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu Triệu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %
Tại 31 tháng 12 năm 2023	2.155.954	20.110	10.721
Tại 31 tháng 12 năm 2022	2.222.379	7.500	29.631

Tỷ lệ khả năng thanh toán của Công ty được tính toán dựa trên các quy định có liên quan do Bộ Tài chính ban hành, là chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán tổng thể của hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNNT

(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Trong vòng một năm	25.766.265.654	19.141.212.725
Từ hai đến năm năm	38.695.155.849	46.612.297.503
	<hr/>	<hr/>
	64.461.421.503	65.753.510.228

30. Cam kết vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
Đã duyệt và ký hợp đồng	21.780.482.267	9.084.961.199

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính

	2023 VND	2022 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	3.997.144.300	552.310.000

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Lê Thị Minh Thúy
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Bae Seung Jun
Tổng Giám đốc